TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/DS-ST
Ngày: 19-7-2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bồ Quốc Khánh;

Ông Nguyễn Trọng Tình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương *tham gia phiên tòa:* Ông Trương Anh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXX ST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ F, ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Trần Hữu C, sinh năm 1992; địa chỉ: Khu phố E, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện ngày 05/01/2023, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 24/4/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông T cho ông C vay 4 lần tổng số tiền 1.950.000.000 đồng thể hiện qua các văn bản: Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 09/01/2021 số tiền 500.000.000 đồng; Hợp đồng vay tiền ngày 14/01/2021 số tiền 350.000.000 đồng; Giấy nhận tiền ngày 24/11/2020 số tiền 300.000.000 đồng; Hợp đồng vay tiền ngày 14/3/2021 số tiền 800.000.000 đồng. Do ông C không trả nợ gốc và nợ lãi nên ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông C thanh toán 1.950.000.000 đồng nợ gốc và nợ lãi chậm trả từ ngày nhận tiền vay đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 10%/năm. Tiền lãi cụ thể tạm tính từng khoản vay như sau:

- Khoản vay 300.000.000 đồng ngày 24/11/2020: Tiền lãi là 75.000.000 đồng;

- Khoản vay 350.000.000 đồng ngày 14/01/2021: Tiền lãi là 81.666.000 đồng;

- Khoản vay 800.000.000 đồng ngày 14/3/2021: Tiền lại là 173.333.000 đồng;

- Khoản vay 500.000.000 đồng ngày 09/01/2021: Tiền lãi là 116.666.000 đồng.

Tổng tiền lãi là 446.665.000 đồng. Tổng nợ gốc và lãi là 2.396.665.000 đồng.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là bản photo Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 09/01/2021, Hợp đồng vay tiền ngày 14/01/2021, Giấy nhận tiền ngày 24/11/2020 và Hợp đồng vay tiền ngày 14/3/2021 đã được đối chiếu với bản chính.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu C1 đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập tham gia phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, đối chất nhưng ông C1 vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông T.

- Kết luận giám định số 124/KL-KTHS ngày 13/4/2023 của Phòng K Công an tỉnh B nêu: Chữ ký viết tên "C1", chữ viết họ tên và 2 dấu vân tay tên Trần Hữu C trong Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 09/01/2021; Hợp đồng vay tiền ngày 14/01/2021; Giấy nhận tiền ngày 24/11/2020; Hợp đồng vay tiền ngày 14/3/2021 với mẫu so sánh do cùng một người viết, ký tên và in ra.

- Biên bản xác minh ngày 11/4/2023 của Tòa án tại Công an thị trấn T thể hiện: Ông C hiện cư trú cùng với mẹ là bà Nguyễn Thị N tại tổ I, khu phố E, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

- Ông T nộp đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cùng với đơn khởi kiện yêu cầu cấm chuyển dịch tài sản của ông C đối với thửa đất số 326, tờ bản đồ số 12 tại thị trấn T, huyện B. Biên bản xác minh ngày 11/01/2023 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B thể hiện thửa đất 326 cấp cho ông C; chưa có tài liệu thể hiện ông C có hành vi sang tên thửa đất này cho người khác; thời điểm này, cũng chưa có cơ sở xác định chữ ký tên, dấu vân tay trên các văn bản thể hiện việc vay tiền là của ông C nên Tòa án không áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

- Tại phiên tòa, ông T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc đòi nợ gốc; về nợ lãi, ông T yêu cầu Tòa án buộc ông C phải thanh toán nợ lãi theo lãi suất 0,75%/tháng, trong đó, khoản nợ vay 300.000.000 đồng ngày 24/11/2020 yêu cầu tính lãi từ ngày ông T yêu cầu ông C trả tiền thể hiện qua tin nhắn là ngày 12/01/2022; Hợp đồng vay tiền ngày 14/01/2021 số tiền 350.000.000 đồng có thỏa thuận trả lãi nên đề nghị tính lãi từ ngày giao tiền 14/01/2021; Hợp đồng vay tiền ngày 09/01/2021 số tiền 500.000.00 đồng có thỏa thuận trả lãi nên đề nghị tính lãi từ ngày giao tiền 09/01/2021; Hợp đồng vay tiền ngày 14/3/2021 số tiền 800.000.000 đồng, thời hạn trả từ ngày 14/9/2021, Hợp đồng này chỉ thỏa thuận lãi chậm trả khi đến hạn nên ông yêu cầu tính lãi từ ngày 14/9/2021. Tiền lãi tính theo ngày nêu trên của từng hợp đồng vay đến ngày xét xử sơ thẩm 19/7/2023. Ông T xác định ông không liên quan đến tài sản thế chấp là GCNQSDĐ cấp cho bà L; ông cũng không giữ bản chính GCNQSDĐ cấp cho ông C hoặc bà L. Ông T yêu cầu

Hội đồng xét xử áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời về cấm chuyển dịch đối với quyền sử dụng đất thửa đất số 326 của ông C.

Hồ sơ cung cấp thông tin của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B thể hiện: Thửa đất số 326 đã được chuyển nhượng cho ông Vương Đình T1. Ông T1 đã được cấp GCNQSDĐ số DI 744830 ngày 30/3/2023.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên phát biểu quan điểm: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ông C vay tiền của ông T 4 lần với tổng số tiền 1.950.000.000 đồng thể hiện qua Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 09/01/2021, Hợp đồng vay tiền ngày 14/01/2021, Giấy nhận tiền ngày 24/11/2020 và Hợp đồng vay tiền ngày 14/3/2021. Kết luận giám định của Phòng K Công an tỉnh B thể hiện Chữ ký viết tên "C", chữ viết họ tên và 2 dấu vân tay tên Trần Hữu C là của ông C. Ông C mặc dù đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông không đến Tòa và cũng không có ý kiến. Qua các tài liệu thể hiện ông C vay tiền của ông T, không có tài liệu thể hiện ông C đã trả. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông C thanh toán nợ vay là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông T khởi kiện ông C về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Ông C hiện cư trú tại tổ I, khu phố E, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Đơn đề nghị tống đạt văn bản tố tụng ngày 20/3/2023 gửi qua đường bưu điện, ông C đề nghị Tòa án tống đạt văn bản về địa chỉ số E, Nguyễn Văn T2, khu phố B, phường L, Thành phố T, tỉnh Bình Dương hoặc chuyển vụ án về Tòa án nhân dân thành phố Thuận An giải quyết nhưng ông không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông C hiện đang cư trú tại địa chỉ này. Dấu bưu điện thể hiện nơi ông C gửi văn bản tại thị trấn T, huyện B. Biên bản tống đạt văn bản đưa vụ án ra xét xử tại tổ I, khu phố E, thị trấn T được ông C ký nhận trực tiếp. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Bắc Tân Uyên.

[2] Bị đơn ông C mặc dù đã được Tòa án tống đạt văn bản hợp lệ đến Tòa án tham gia phiên tòa ngày 20/6/2023 và ngày 19/7/2023 nhưng ông C vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt ông C.

[3] Tại phiên tòa, ông T yêu cầu Hội đồng xét xử áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời về việc cấm chuyển dịch tài sản của ông C đối với thửa đất số 326 cấp cho ông C. Qua hồ sơ cung cấp thông tin của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B cho thấy, thửa đất số 326 đã được chuyển nhượng cho ông Vương Đình T1 từ tháng 3/2023 nên không có cơ sở áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

[4] Ông T cho ông C vay 4 lần tổng số tiền 1.950.000.000 đồng thể hiện qua các văn bản cụ thể như sau: Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 09/01/2021; Hợp đồng vay tiền ngày 14/01/2021; Giấy nhận tiền ngày 24/11/2020; Hợp đồng vay tiền ngày 14/3/2021. Kết luận giám định số 124/KL-KTHS ngày 13/4/2023 nêu: Chữ ký viết tên "C", chữ viết họ tên và 2 dấu vân tay tên Trần Hữu C trong các tài liệu cần giám định với mẫu so sánh do cùng một người viết, ký tên và in ra. Ông C đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án và Giấy triệu tập đến Tòa án làm việc, hòa giải và xét xử nhưng ông vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, có cơ sở xác định ông C vay của ông T 1.950.000.000 đồng chưa trả nên ông T khởi kiện ông C là có căn cứ.

[5] Thời hạn thanh toán tiền và tiền lãi: Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 09/01/2021 số tiền 500.000.000 đồng, Hợp đồng này không nêu thời hạn trả; có nêu về trả lãi nhưng không thể hiện cụ thể mức lãi; Hợp đồng vay tiền ngày 14/01/2021 số tiền 350.000.000 đồng, thời hạn thanh toán ngày 14/01/2022, Hợp đồng này có thỏa thuận trả lãi vay nhưng không nêu cụ thể mức lãi; Giấy nhận tiền ngày 24/11/2020 số tiền 300.000.000 đồng không thể hiện thời hạn thanh toán, không thể hiện nghĩa vụ trả lãi; Hợp đồng vay tiền ngày 14/3/2021 số tiền 800.000.000 đồng, thời hạn thanh toán là ngày 14/9/2021, Hợp đồng này không nêu về trả lãi trong hạn mà chỉ nêu bên vay phải chịu tiền lãi phạt, lãi quá hạn khi chậm trả. Qua tin nhắn trao đổi thể hiện ngày 12/01/2022, ông T yêu cầu ông C thanh toán nợ nhưng ông C không trả. Như vậy, đối với khoản vay ngày 24/11/2020 và ngày 09/01/2021, do không thỏa thuận thời hạn trả nên ngày ông T yêu cầu ông C trả là ngày đến hạn thanh toán, tiền lãi đối với hợp đồng không nêu ngày trả thì cũng được tính từ ngày 12/01/2021.

[6] Về tiền lãi:

[6.1] Tiền lãi trong hạn: Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định về lãi suất như sau: "*Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ*". Điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định: *"Trường hợp các bên không xác định rõ lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng N1 công bố tại thời điểm trả nợ*". Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng N1 thì mức lãi suất cơ bản là 9%/năm. Như vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi 0,75/tháng, tương đương 9%/năm là phù hợp nên có cơ sở áp dụng.

[6.2] Lãi chậm trả. Điểm a khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau: "Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác". Công văn số 03/2023/PGDBTU ngày 13/6/2023 của Phòng G, Công văn số 213/CV-NHNo.TU-KHKD ngày 14/6/2023 của Chi nhánh thị xã T Ngân hàng N2 và Công văn số 807/BDU-QLN ngày 15/6/2023 của Chi nhánh B Ngân hàng Thương mại cổ phần N3 đều thể hiện lãi

suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Như vậy, ông T yêu cầu tiền lãi chậm thanh toán 0,75%/tháng là có căn cứ chấp nhận.

Tiền lãi cụ thể đối với từng khoản vay như sau:

- Khoản nợ vay 300.000.000 đồng ngày 24/11/2020, tiền lãi tính từ ngày 12/01/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 19/7/2023 là 1 năm 6 tháng 7 ngày, số tiền cụ thể như sau: 1 năm là 27.000.000 đồng; 6 tháng là 13.500.000 đồng; 7 ngày là 525.000 đồng. Tổng cộng là 41.025.000 đồng;

- Khoản nợ vay 350.000.000 đồng ngày 14/01/2021, tiền lãi tính từ ngày giao tiền 14/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 19/7/2023 là 2 năm 6 tháng 5 ngày, số tiền cụ thể như sau: 2 năm 63.000.000 đồng; 6 tháng là 15.750.000 đồng; 5 ngày là 437.500 đồng. Tổng cộng là 79.187.500 đồng;

- Khoản nợ vay 500.000.000 đồng ngày 09/01/2021, tiền lãi tính lãi từ ngày giao tiền 09/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 19/7/2023 là 2 năm 6 tháng 10 ngày, số tiền cụ thể như sau: 2 năm là 90.000.000 đồng; 6 tháng là 22.500.000 đồng; 10 ngày là 1.250.000 đồng. Tổng cộng là 113.750.000 đồng;

- Khoản nợ vay 800.000.000 đồng ngày 14/3/2021, tiền lãi tính từ ngày đến hạn trả tiền là ngày 14/9/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 19/7/2023 là 1 năm 10 tháng 5 ngày, số tiền cụ thể như sau: 1 năm là 72.000.000 đồng; 10 tháng 60.000.000 đồng; 5 ngày là 1.000.000 đồng. Tổng cộng là 133.000.000 đồng.

Tổng tiền lãi là 366.962.500 đồng. Tổng nợ gốc và nợ lãi là 2.316.962.500 đồng.

[11] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ; quan điểm của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[12] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 357, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng N1 về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam;

- Căn cứ Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu C1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 09/01/2021; Hợp đồng vay tiền ngày 14/01/2021; Giấy nhận tiền ngày 24/11/2020; Hợp đồng vay tiền ngày 14/3/2021.

Buộc bị đơn ông Trần Hữu C phải thanh toán cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn T tổng số tiền 2.316.962.500 (Hai tỷ ba trăm mười sáu triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm) đồng, trong đó 1.950.000.000 đồng nợ gốc là 366.962.500 đồng là nợ lãi.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Hữu C phải chịu 78.338.530 (Bảy mươi tám triệu ba trăm ba mươi tám nghìn năm trăm ba mươi) đồng.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 46.183.300 (Bốn mươi sáu triệu một trăm tám mươi ba nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0010215 ngày 17/01/2023 và số AA/2021/0010331 ngày 11/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu ông Trần Hữu C chậm trả tiền thì phải trả thêm tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- CCTHADS huyện Bắc Tân Uyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Bích Huế